



Phương án phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (theo hệ số)
(Kèm theo Công văn số....1.1.102../SNNMT-VPDP ngày 30/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau)

DVT: Triệu đồng

TT	Danh mục	Ngân sách Trung ương	Chi tiết nội dung thành phần									Chủ chương trình, dự án
			Nội dung thành phần 2				Nội dung thành phần 3	Nội dung thành phần 7		Nội dung thành phần 9	Nội dung thành phần 10	
			Nội dung 03	Nội dung 06	Nội dung 08	Nội dung 09	Nội dung 10	Nội dung 01	Nội dung 03	Nội dung 02	Nội dung 03	
	TỔNG CỘNG	64,026	57	120	200	10,053	7,278	1,658	31,699	11,618	1,343	
I	Hỗ trợ các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 57) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	2,576	-	-	-	700	-	-	1,376	500	-	
1	Xã Khánh Lâm	1,288				700			588			UBND xã Khánh Lâm
2	Xã Thanh Tùng	1,288							788	500		UBND xã Thanh Tùng
II	Hỗ trợ các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 55) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	3,729	-	-	-	-	-	-	2,486	-	1,243	
1	Xã Vĩnh Hậu	1,243							1,243			UBND xã Vĩnh Hậu
2	Xã Đá Bạc	1,243							1,243			UBND xã Đá Bạc
3	Xã Hồng Dân	1,243									1,243	UBND xã Hồng Dân
III	Hỗ trợ các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 54) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	7,321	57	120	200	2,584	1,300	-	1,960	1,100	-	
1	Xã Khánh Bình	1,220					500		520	200		UBND xã Khánh Bình
2	Xã Khánh Hưng	1,220				1,220						UBND xã Khánh Hưng
3	Xã Cái Đôi Vàm	1,220					800		420			UBND xã Cái Đôi Vàm
4	Xã Quách Phẩm	1,220				520			400	300		UBND xã Quách Phẩm
5	Xã Vĩnh Phước	1,221	57	120	200	844						UBND xã Vĩnh Phước
6	Xã Long Điền	1,220							620	600		UBND xã Long Điền

TT	Danh mục	Ngân sách Trung ương	Chi tiết nội dung thành phần									Chủ chương trình, dự án
			Nội dung thành phần 2				Nội dung thành phần 3	Nội dung thành phần 7		Nội dung thành phần 9	Nội dung thành phần 10	
			Nội dung 03	Nội dung 06	Nội dung 08	Nội dung 09	Nội dung 10	Nội dung 01	Nội dung 03	Nội dung 02	Nội dung 03	
IV	Hỗ trợ các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 53) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	4,792	-	-	-	996	1,498	-	1,498	800	-	
1	Xã Đầm Dơi	1,198					1,198					UBND xã Đầm Dơi
2	Xã Tân Lộc	1,198				298	300		300	300		UBND xã Tân Lộc
3	Xã Hưng Hội	1,198				698			500			UBND xã Hưng Hội
4	Xã Ninh Thạnh Lợi	1,198							698	500		UBND Xã Ninh Thạnh Lợi
V	Hỗ trợ các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 52) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	7,050	-	-	-	-	-	475	4,200	2,375	-	
1	Xã Tân Thuận	1,175							675	500		UBND xã Tân Thuận
2	Xã Trí Phái	1,175							675	500		UBND xã Trí Phái
3	Xã Lương Thế Trân	1,175							1,175			UBND xã Lương Thế Trân
4	Xã Hòa Bình	1,175							500	675		UBND xã Hòa Bình
5	Xã Tân Tiến	1,175							1,175			UBND xã Tân Tiến
6	Xã Ninh Quới	1,175						475		700		UBND xã Ninh Quới
VI	Hỗ trợ các xã có áp đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 51) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	6,918	-	-	-	1,653	-	653	3,459	1,153	-	
1	Xã Cái Nước	1,153							700	453		UBND xã Cái Nước
2	Xã Trần Phán	1,153				300			853			UBND xã Trần Phán
3	Xã U Minh	1,153				700			453			UBND xã U Minh
4	Xã Đất Mũi	1,153				653			500			UBND xã Đất Mũi
5	Xã Phước Long	1,153						653		500		UBND xã Phước Long
6	Xã Đất Mới	1,153							953	200		UBND xã Đất Mới

TT	Danh mục	Ngân sách Trung ương	Chi tiết nội dung thành phần									Chủ chương trình, dự án
			Nội dung thành phần 2				Nội dung thành phần 3	Nội dung thành phần 7		Nội dung thành phần 9	Nội dung thành phần 10	
			Nội dung 03	Nội dung 06	Nội dung 08	Nội dung 09	Nội dung 10	Nội dung 01	Nội dung 03	Nội dung 02	Nội dung 03	
VII	Hỗ trợ các xã khu vực III, xã ATK (Hệ số 50) thực hiện các nội dung thành phần theo quy định tại Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026 và Quyết định số 417/QĐ-BNNMT	31,640	-	-	-	4,120	4,480	530	16,720	5,690	100	
1	Xã Năm Căn	1,130							1,130			UBND xã Năm Căn
2	Xã Nguyễn Phích	1,130							1,130			UBND xã Nguyễn Phích
3	Xã Nguyễn Việt Khái	1,130				700				430		UBND xã Nguyễn Việt Khái
4	Xã Phú Mỹ	1,130					630		500			UBND xã Phú Mỹ
5	Xã Tạ An Khương	1,130					360		370	400		UBND xã Tạ An Khương
6	Xã Tam Giang	1,130					630		500			UBND xã Tam Giang
7	Xã Tân Hưng	1,130							630	500		UBND xã Tân Hưng
8	Xã Định Thành	1,130				500			130	500		UBND xã Định Thành
9	Xã Hồ Thị Kỳ	1,130				500	630					UBND xã Hồ Thị Kỳ
10	Xã Khánh An	1,130							1,130			UBND xã Khánh An
11	Xã Phan Ngọc Hiền	1,130				330	400		400			UBND xã Phan Ngọc Hiền
12	Xã Sông đốc	1,130							530	600		UBND xã Sông đốc
13	Xã Phú Tân	1,130							1,130			UBND xã Phú Tân
14	Xã Vĩnh Mỹ	1,130					730		400			UBND xã Vĩnh Mỹ
15	Xã Châu Thới	1,130							1,130			UBND xã Châu Thới
16	Xã Vĩnh Lợi	1,130							1,130			UBND xã Vĩnh Lợi
17	Xã Phong Hiệp	1,130				830		200			100	UBND xã Phong Hiệp
18	Xã Thới Bình	1,130				630	500					UBND xã Thới Bình
19	Xã Đông Hải	1,130							1,130			UBND xã Đông Hải
20	Xã Phong Thạnh	1,130								1,130		UBND xã Phong Thạnh
21	Xã Tân Ân	1,130				630			500			UBND xã Tân Ân
22	Xã Vĩnh Thanh	1,130							630	500		UBND xã Vĩnh Thanh
23	Xã An Trạch	1,130					600		530			UBND xã An Trạch
24	Xã Biển Bạch	1,130							630	500		UBND xã Biển Bạch
25	Xã Trần Văn Thới	1,130							1,130			UBND xã Trần Văn Thới
26	Xã Hưng Mỹ	1,130							1,130			UBND xã Hưng Mỹ
27	Xã Gành Hào	1,130						330	800			UBND xã Gành Hào
28	Xã Vĩnh Lộc	1,130								1,130		UBND xã Vĩnh Lộc

TT	Danh mục	Ngân sách Trung ương	Chi tiết nội dung thành phần									Chủ chương trình, dự án
			Nội dung thành phần 2				Nội dung thành phần 3	Nội dung thành phần 7		Nội dung thành phần 9	Nội dung thành phần 10	
			Nội dung 03	Nội dung 06	Nội dung 08	Nội dung 09	Nội dung 10	Nội dung 01	Nội dung 03	Nội dung 02	Nội dung 03	

* **Ghi chú:** - Tổng số hệ số quy đổi trên địa bàn toàn tỉnh: 2.833 hệ số (55 xã ATK × Hệ số 50 = 2.750 hệ số; 83 ấp đặc biệt khó khăn × Hệ số 1 = 83 hệ số);
- Định mức phân bổ theo hệ số: Tổng nguồn vốn ngân sách trung ương là 64.026 triệu đồng chia cho 2.833 hệ số, như vậy tương đương 22,600 triệu đồng/hệ số.

PHỤ LỤC 02

Phân bổ kinh phí chi thường xuyên ngân sách trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Cà Mau (theo lĩnh vực chi)

(Kèm theo Công văn số...../SNNMT-VPĐP ngày 30/9/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Danh mục/chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Mã CTMTQG	Ngân sách trung ương	Chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp			Ghi chú
				An ninh và trật tự an toàn	Văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
A	Hợp phần thứ nhất: Chương trình xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững		64,026	11,618	1,343	51,065	
I	Nội dung thành phần 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu	10103	10,430	-	-	10,430	Điều 6, Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026
1	Nội dung 03: Tăng cường năng lực phòng, chống thiên tai cấp xã nhằm chủ động phòng ngừa, ứng phó kịp thời, khắc phục hậu quả thiên tai có hiệu quả thông qua xây dựng hệ thống cảnh báo sớm, trang bị thiết bị thiết yếu, tổ chức lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai và tuyên truyền, phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nhất là tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo, vùng có nguy cơ rủi ro cao và dễ bị tổn thương do biến đổi khí hậu	13103	57	-	-	57	
-	UBND xã Vĩnh Phước		57			57	
2	Nội dung 06: Từng bước hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn; phát triển các mô hình chợ đáp ứng các tiêu chí đảm bảo an toàn thực phẩm cấp xã; thúc đẩy hoạt động thương mại điện tử; khuyến khích phát triển hệ thống dịch vụ logistics gắn với vùng sản xuất hàng hóa. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo nâng cấp mạng lưới chợ vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	16103	120	-	-	120	
-	UBND xã Vĩnh Phước		120			120	
3	Nội dung 08: Phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông trên địa bàn nông thôn; duy trì điểm phục vụ bưu chính phục vụ công cộng và chính quyền số. Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	18103	200	-	-	200	
-	UBND xã Vĩnh Phước		200			200	

TT	Danh mục/chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Mã CTMTQG	Ngân sách trung ương	Chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp			Ghi chú
				An ninh và trật tự an toàn	Văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
4	<i>Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn)</i>	19103	10,053	-	-	10,053	
-	UBND xã Khánh Lâm		700			700	
-	UBND xã Đất Mũi		653			653	
-	UBND xã Tân Ân		630			630	
-	UBND xã Hồ Thị Kỷ		500			500	
-	UBND xã Vĩnh Phước		844			844	
-	UBND xã Phong Hiệp		830			830	
-	UBND xã Hưng Hội		698			698	
-	UBND xã Định Thành		500			500	
-	UBND xã Thới Bình		630			630	
-	UBND xã Tân Lộc		298			298	
-	UBND xã Trần Phán		300			300	
-	UBND xã U Minh		700			700	
-	UBND xã Nguyễn Việt Khái		700			700	
-	UBND xã Phan Ngọc Hiền		330			330	
-	UBND xã Quách Phẩm		520			520	
-	UBND xã Khánh Hưng		1,220			1,220	
II	Nội dung thành phần 3: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường	10105	7,278	-	-	7,278	Điều 7, Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026
1	<i>Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vì mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững</i>	11106	7,278	-	-	7,278	
-	UBND xã An Trạch		600			600	
-	UBND xã Cái Đôi Vàm		800			800	

TT	Danh mục/chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Mã CTMTQG	Ngân sách trung ương	Chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp			Ghi chú
				An ninh và trật tự an toàn	Văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
-	UBND xã Đàm Dơi		1,198			1,198	
-	UBND xã Hồ Thị Kỳ		630			630	
-	UBND xã Khánh Bình		500			500	
-	UBND xã Phan Ngọc Hiền		400			400	
-	UBND xã Phú Mỹ		630			630	
-	UBND xã Tạ An Khương		360			360	
-	UBND xã Tam Giang		630			630	
-	UBND xã Tân Lộc		300			300	
-	UBND xã Thới Bình		500			500	
-	UBND xã Vĩnh Mỹ		730			730	
III	Nội dung thành phần 7: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn	10111	33,357	-	-	33,357	Điều 11, Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026
1	<i>Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS&MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình</i>	11111	1,658	-	-	1,658	
-	UBND xã Phong Hiệp		200			200	
-	UBND xã Ninh Quới		475			475	
-	UBND xã Gành Hào		330			330	
-	UBND xã Phước Long		653			653	
2	<i>Nội dung 03: Giữ gìn, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình “nông nghiệp xanh”</i>	13111	31,699	-	-	31,699	
-	UBND xã Thanh Tùng		788			788	

TT	Danh mục/chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Mã CTMTQG	Ngân sách trung ương	Chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp			Ghi chú
				An ninh và trật tự an toàn	Văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
-	UBND xã Long Điền		620			620	
-	UBND xã Vĩnh Thanh		630			630	
-	UBND xã Đá Bạc		1,243			1,243	
-	UBND xã Lương Thế Trân		1,175			1,175	
-	UBND xã Phú Tân		1,130			1,130	
-	UBND xã Vĩnh Mỹ		400			400	
-	UBND xã U Minh		453			453	
-	UBND xã Ninh Thạnh Lợi		698			698	
-	UBND xã Vĩnh Lợi		1,130			1,130	
-	UBND xã Tam Giang		500			500	
-	UBND xã Đông Hải		1,130			1,130	
-	UBND xã Sông Đốc		530			530	
-	UBND xã Vĩnh Hậu		1,243			1,243	
-	UBND xã Tân Hưng		630			630	
-	UBND xã Khánh An		1,130			1,130	
-	UBND xã Trần Phán		853			853	
-	UBND xã An Trạch		530			530	
-	UBND xã Gành Hào		800			800	
-	UBND xã Đất Mới		953			953	
-	UBND xã Khánh Lâm		588			588	
-	UBND xã Trần Văn Thời		1,130			1,130	
-	UBND xã Đất Mũi		500			500	
-	UBND xã Biển Bạch		630			630	
-	UBND xã Châu Thới		1,130			1,130	
-	UBND xã Cái Nước		700			700	
-	UBND xã Cái Đôi Vàm		420			420	
-	UBND xã Tân Ân		500			500	

TT	Danh mục/chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Mã CTMTQG	Ngân sách trung ương	Chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp			Ghi chú
				An ninh và trật tự an toàn	Văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
-	UBND xã Khánh Bình		520			520	
-	UBND xã Hưng Hội		500			500	
-	UBND xã Định Thành		130			130	
-	UBND xã Tạ An Khương		370			370	
-	UBND xã Trí Phải		675			675	
-	UBND xã Tân Lộc		300			300	
-	UBND xã Hòa Bình		500			500	
-	UBND xã Nguyễn Phích		1,130			1,130	
-	UBND xã Phan Ngọc Hiền		400			400	
-	UBND xã Phú Mỹ		500			500	
-	UBND xã Năm Căn		1,130			1,130	
-	UBND xã Hưng Mỹ		1,130			1,130	
-	UBND xã Tân Thuận		675			675	
-	UBND xã Tân Tiến		1,175			1,175	
-	UBND xã Quách Phẩm		400			400	
IV	Nội dung thành phần 9: Bảo đảm quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội	10113	11,618	11,618	-	-	Điều 13, Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026
1	Nội dung 02: An ninh, trật tự ở địa bàn cơ sở được bảo đảm, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh từ sớm, từ xa, từ cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, không để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự; kiểm chế, kéo giảm tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ trên địa bàn; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động hiệu quả; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở đảm bảo số lượng, chất lượng, điều kiện hoạt động; xây dựng, củng cố, nhân rộng các mô hình bảo đảm an ninh, trật tự, đặc biệt là các mô hình chuyển đổi số, mô hình camera AI giám sát an ninh khu vực nông thôn.	12113	11,618	11,618	-	-	
-	UBND xã Thanh Tùng		500	500			
-	UBND xã Long Điền		600	600			
-	UBND xã Vĩnh Thanh		500	500			

TT	Danh mục/chủ đầu tư, đơn vị thực hiện	Mã CTMTQG	Ngân sách trung ương	Chi tiết theo lĩnh vực chi sự nghiệp			Ghi chú
				An ninh và trật tự an toàn	Văn hóa thông tin	Các hoạt động kinh tế	
-	UBND xã Phước Long		500	500			
-	UBND xã Ninh Thạnh Lợi		500	500			
-	UBND xã Sông Đốc		600	600			
-	UBND xã Ninh Quới		700	700			
-	UBND xã Đất Mới		200	200			
-	UBND xã Tân Hưng		500	500			
-	UBND xã Biển Bạch		500	500			
-	UBND xã Cái Nước		453	453			
-	UBND xã Khánh Bình		200	200			
-	UBND xã Định Thành		500	500			
-	UBND xã Tạ An Khương		400	400			
-	UBND xã Trí Phái		500	500			
-	UBND xã Tân Lộc		300	300			
-	UBND xã Hòa Bình		675	675			
-	UBND xã Nguyễn Việt Khái		430	430			
-	UBND xã Vĩnh Lộc		1,130	1,130			
-	UBND xã Phong Thạnh		1,130	1,130			
-	UBND xã Tân Thuận		500	500			
-	UBND xã Quách Phẩm		300	300			
V	Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	10114	1,343	-	1,343	-	Điều 14, Thông tư số 60/2026/TT-BTC ngày 31/5/2026
1	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	13114	1,343	-	1,343	-	
-	UBND xã Phong Hiệp		100		100		
-	UBND xã Hồng Dân		1,243		1,243		